

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11130/BTC-QLN

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Các Hiệp hội: Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam; Hiệp hội Chăn nuôi Việt Nam; Hiệp hội Lương thực Việt Nam; Hiệp hội Rau quả Việt Nam.

Để thực hiện cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu trong Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia (sau đây viết tắt là Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2024/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2023-2024. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, Nghị định có hiệu lực cho đến hết ngày 31/12/2024. Hiện nay, Nghị định đã hết hạn thực hiện.

Ngày 20/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-CP về việc ký Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2025-2026. Ngày 28/4/2025, Việt Nam và Campuchia đã ký kết Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025 – 2026. Căn cứ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất tại Điều 10 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Bộ Tài chính dự thảo hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026.

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính gửi Quý Cơ quan dự thảo hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026

đề nghiên cứu, tham gia ý kiến. (Do khối lượng tài liệu lớn, Bộ Tài chính kính đề nghị quý cơ quan truy cập Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính tại: <https://mof.gov.vn> hoặc liên hệ đầu mối Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại, Bộ Tài chính: Nguyễn Đức Thịnh, email: nguyenducthinh2@mof.gov.vn, điện thoại liên hệ: (024)2220.2828 (máy lẻ 4336), để nhận tài liệu).

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 15./8./2025 để tổng hợp, hoàn thiện, trình Chính phủ ký ban hành.

Bộ Tài chính cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải xin ý kiến);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải xin ý kiến);
- CHQ, Vụ CST, Vụ PC (để có ý kiến);
- Lưu: VT, QLN (7 b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

[Signature]
Nguyễn Đức Chi

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 1

NGHỊ ĐỊNH

**Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện
Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia
giai đoạn 2025-2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026 ký ngày 28 tháng 4 năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 20/3/2025 về việc ký Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025 – 2026;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026 (sau đây viết tắt là Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan

Ban hành kèm theo Nghị định này:

1. Phụ lục I - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026.
2. Phụ lục II - Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026.
3. Phụ lục III - Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026.

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp.

3. Thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Thuế suất và hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia

1. Mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá nêu tại Phụ lục I, nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và quy định của Bộ Công Thương về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan theo Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026 thì được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nêu tại Phụ lục I, theo số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với mặt hàng lúa gạo: Trường hợp mặt hàng lúa gạo nhập khẩu ngoài số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (gọi tắt là nhập khẩu vượt hạn ngạch) thì số lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam và Campuchia cùng là thành viên (nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tương ứng); hoặc có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025) và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

3. Đối với mặt hàng lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá:

a) Trường hợp lượng lá thuốc lá chưa chế, phế liệu thuốc lá biến nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này nhưng vẫn nằm trong tổng mức hạn ngạch theo WTO và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về hạn ngạch thuế quan thì số lượng này được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025) và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

b) Trường hợp lượng lá thuốc lá chưa chế, phế liệu thuốc lá biến nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và nằm ngoài tổng mức hạn ngạch theo WTO thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với mặt hàng lá thuốc lá chưa chế biến theo quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025) và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

4. Số lượng mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá được nhập khẩu thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, không tính vào số lượng hạn ngạch của mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Các mặt hàng lúa gạo do các doanh nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia tiếp giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

b) Các mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Hiệp định khu vực, quốc tế mà hai bên tham gia ký kết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đăng ký từ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ điều kiện được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Dự thảo 1

Phụ lục I

BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN BẢN THỎA THUẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Các chú giải và quy tắc tổng quát giải thích việc phân loại hàng hóa được thực hiện theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam dựa trên Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới.

Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số. Ký hiệu (*) là các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan quy định tại Điều 5 của Nghị định.

Cột “Thuế suất Việt Nam - Campuchia (%)”: Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn –2025 - 2026, áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:

- 2025: Thuế suất áp dụng từ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;

- 2026: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026;

STT	Mã hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa	Thuế suất Việt Nam - Campuchia (%)	
			2025	2026
	01.05	Gia cầm sống, gồm các loại gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i>, vịt, ngan, ngỗng, gà tây và gà lôi.		
		- Loại khối lượng không quá 185 g:		
	0105.11	- - Gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i> :		
1	0105.11.90	- - - Loại khác	0	0
	0105.99	- - Loại khác:		
2	0105.99.20	- - - Vịt, ngan loại khác	0	0
	02.07	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.		
		- Của gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i> :		
3	0207.11.00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh	0	0
4	0207.12.00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh	0	0
5	0207.13.00	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh	0	0

STT	Mã hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa	Thuế suất Việt Nam - Campuchia (%)	
			2025	2026
	0207.14	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh:		
6	0207.14.10	- - - Cánh	0	0
7	0207.14.20	- - - Đùi	0	0
8	0207.14.30	- - - Gan	0	0
		- - - Loại khác:		
9	0207.14.91	- - - - Thịt đã được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học	0	0
10	0207.14.99	- - - - Loại khác	0	0
	08.05	Quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô.		
	0805.50	- Quả chanh vàng (lemon) (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>) và quả chanh xanh (chanh ta <i>Citrus aurantifolia</i> , chanh không hạt <i>Citrus latifolia</i>):		
11	0805.50.10	- - Quả chanh vàng (lemon) (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>)	0	0
12	0805.50.20	- - Quả chanh xanh (chanh ta <i>Citrus aurantifolia</i> , chanh không hạt <i>Citrus latifolia</i>)	0	0
13	0805.90.00	- Loại khác	0	0
	10.06	Lúa gạo.		
	1006.10	- Thóc:		
14	1006.10.10(*)	- - Phù hợp để gieo trồng	0	0
15	1006.10.90(*)	- - Loại khác	0	0
	1006.20	- Gạo lứt:		
16	1006.20.10(*)	- - Gạo Hom Mali	0	0
17	1006.20.90(*)	- - Loại khác	0	0
	24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.		
	2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:		
18	2401.10.10(*)	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)	0	0
19	2401.10.20(*)	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng	0	0
20	2401.10.40(*)	- - Loại Burley	0	0
21	2401.10.50(*)	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng	0	0
22	2401.10.90(*)	- - Loại khác	0	0
	2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:		
23	2401.20.10(*)	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)	0	0
24	2401.20.20(*)	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng	0	0
25	2401.20.30(*)	- - Loại Oriental	0	0
26	2401.20.40(*)	- - Loại Burley	0	0
27	2401.20.50(*)	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)	0	0

STT	Mã hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa	Thuế suất Việt Nam - Campuchia (%)	
			2025	2026
28	2401.20.90(*)	- - Loại khác	0	0

Phụ lục II
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH THUẾ QUAN
CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN BẢN THỎA THUẬN VIỆT NAM -
CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN 2025-2026

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của
Chính phủ)

STT	Mã mặt hàng	Mô tả hàng hóa	Định lượng	
			2025	2026
I	10.06	Lúa gạo.	300.000 tấn gạo	300.000 tấn gạo
	1006.10	- Thóc:		
1	1006.10.10	- - Phù hợp để gieo trồng		
2	1006.10.90	- - Loại khác		
	1006.20	- Gạo lứt:		
3	1006.20.10	- - Gạo Hom Mali		
4	1006.20.90	- - Loại khác		
II	24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.	3.000 tấn	3.000 tấn
	2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:		
5	2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)		
6	2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng		
7	2401.10.40	- - Loại Burley		
8	2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng		
9	2401.10.90	- - Loại khác		
	2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:		
10	2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)		
11	2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng		
12	2401.20.30	- - Loại Oriental		
13	2401.20.40	- - Loại Burley		
14	2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)		
15	2401.20.90	- - Loại khác		

Ghi chú: Tỷ lệ quy đổi: 02 kg thóc = 01 kg gạo.

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CẤP CỬA KHẨU ĐƯỢC PHÉP THÔNG QUAN
CÁC MẶT HÀNG HƯỞNG THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐẶC BIỆT THEO BẢN THỎA THUẬN VIỆT NAM – CAMPUCHIA
GIẢI ĐOẠN 2025 - 2026

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của
Chính phủ)

STT	Phía Việt Nam	Phía Campuchia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ou Va Dav (tỉnh Ratanakiri)
2	Bu Prăng (tỉnh Đắk Nông)	Dak Dam (tỉnh Mondulakiri)
3	Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông)	Nam Lear (tỉnh Mondulakiri)
4	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Trapeang Sre (tỉnh Kratie)
5	Hoàng Diệu (tỉnh Bình Phước)	Lapakhe (tỉnh Mondulakiri)
6	Lộc Thịnh (tỉnh Bình Phước)	Tonle Cham (tỉnh Tboung Khmum)
7	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Bavet (Svay Rieng Province)
8	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	Trapeang Plong (tỉnh Tboung Khmum)
9	Chàng Riệc (tỉnh Tây Ninh)	Da (tỉnh Tboung Khmum)
10	Kà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chan Mul (tỉnh Tboung Khmum)
11	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bosmon (tỉnh Svay Rieng)
12	Vạc Sa (tỉnh Tây Ninh)	Doun Rodth (tỉnh Tboung Khmum)
13	Tân Nam (tỉnh Tây Ninh)	Meun Chey (tỉnh Prey Veng)
14	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Prey Vor (tỉnh Svay Rieng)
15	Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An)	Samrong (tỉnh Svay Rieng)
16	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Banteay Chakrey (tỉnh Prey Veng)
17	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Koh Roka (tỉnh Prey Veng)
18	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	Ka-Orm Samnor (tỉnh Kandal)
19	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Takeo)
20	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrey Thom (tỉnh Kandal)
21	Vĩnh Hội Đông (tỉnh An Giang)	Kampong Krosang (tỉnh Takeo)
22	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Prek Chak (tỉnh Kampot)
23	Giang Thành (tỉnh Kiên Giang)	Ton Hon (tỉnh Kampot)

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 1

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi
đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song
phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026**

Kính gửi: Chính phủ

I. Sự cần thiết ban hành nghị định

1. Cơ sở pháp lý

Việt Nam và Campuchia đã ký kết và thực hiện các Bản Thỏa thuận trong các giai đoạn: 2006-2007, 2010-2011, 2012-2013, 2014-2015, 2016-2017, 2019-2020, 2021-2022, 2023-2024. Ngày 20/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-CP về việc ký Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2025-2026. Ngày 28/4/2025, Bộ Công thương đã ký kết với phía Campuchia Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025 – 2026. Theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 của Bản Thỏa thuận, Bản Thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hạn vào ngày 31/12/2026.

Trong giai đoạn 2023-2024, để thực hiện cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu tại Bản Thỏa thuận, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2023-2024. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, Nghị định có hiệu lực cho đến hết ngày 31/12/2024. Đến nay Nghị định trên đã hết hạn thực hiện.

Việc ban hành Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 đã thực hiện theo cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2023-2024 và theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn vừa qua, và góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải

quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 không nảy sinh các vấn đề, bất cập.

Nhằm tuân thủ cam kết của Việt Nam tại điều ước quốc tế đã ký kết, Việt Nam cần ban hành Nghị định quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026.

2. Cơ sở thực tiễn

Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Campuchia luôn duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực và ổn định. Tính hết năm 2024, tổng kim ngạch thương mại Việt Nam – Campuchia đạt 10,1 tỷ USD, tăng 17,5% so với năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt khoảng 5,1 tỷ USD, tăng 8,5% và kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia đạt 4,78 tỷ USD, tăng 29% so với năm 2023. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm sau sang Campuchia: sắt thép các loại, hàng dệt may, xăng dầu, nguyên phụ liệu dệt may da giày, phân bón, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, sản phẩm từ sắt thép, máy móc thiết bị phụ tùng, thức ăn gia súc và nguyên liệu. Trong khi đó, các mặt hàng chính mà Việt Nam nhập khẩu từ Campuchia bao gồm: hạt điều, cao su, thóc, sắn, gỗ, hàng rau quả.

Năm 2023, theo số liệu nhập khẩu của Cục Hải quan, Kim ngạch nhập khẩu 29 mã hàng này của Việt Nam đạt 1,16 tỷ USD, chiếm khoảng 24,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của Campuchia sang Việt Nam. Tuy nhiên trong 29 mã hàng này, chỉ có 02 mã hàng đã tận dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận (mã 2401.10.50 và 2401.10.90). Cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu USD

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch NK	Kim ngạch NK 2024 tận dụng thuế suất theo Bản Thỏa thuận 2023-2024
2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:		
2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng	12,688	10,735
2401.10.90	- - Loại khác	0,440	0,440
Tổng		13,468	11,175

Như vậy trong năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu tận dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận 2023 là 11,175 triệu USD, chiếm khoảng 83% tổng kim ngạch nhập khẩu của 02 mã hàng nêu từ Campuchia, tương đương khoảng 1% tổng kim ngạch nhập khẩu của 29 mã hàng quy định trong Bản Thỏa thuận, chiếm 0,2% tổng kim ngạch nhập khẩu 2024 từ Campuchia.

Nhìn chung, tuy chiếm tỷ trọng chưa cao trong tổng kim ngạch thương mại giai đoạn 2023-2024 nhưng với việc ban hành Nghị định giai đoạn mới thì các mặt hàng được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của hai nước sẽ khuyến khích doanh nghiệp hai Bên trong hoạt động xuất nhập khẩu, đóng góp vào sự tăng trưởng kim ngạch thương mại song phương. Bên cạnh đó, vai trò của Bản Thỏa thuận cần được nhìn nhận trong suốt quá trình liên tục từ năm 2005 (hai năm ký bổ sung một lần). Việc duy trì, mở rộng diện các mặt hàng được ký ưu đãi thuế xuất khẩu từ năm 2005 đến nay đã góp phần thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia từ mức khoảng 700 triệu USD năm 2005 lên mức 8,3 tỷ USD năm 2023 và 10,1 tỷ USD năm 2024.

II. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

1. Mục đích ban hành văn bản

Thực hiện đúng cam kết của Việt Nam tại Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026 (được sự ủy quyền của Chính phủ, Bộ Công Thương đã hoàn tất việc ký kết Bản Thỏa thuận với phía Campuchia vào ngày 28/4/2025), đảm bảo tính tương thích của Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, bao gồm việc tuân thủ Hiệp định Hải quan ASEAN (Điều 19 Hiệp định Hải quan ASEAN) về việc áp dụng Danh mục AHTN 2022 của ASEAN và Danh mục HS phiên bản 2022 của Tổ chức Hải quan thế giới khi xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực thi Bản Thỏa thuận.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 về thẩm quyền ban hành các biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành; phù hợp với quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan số 53/2014/QH13 ngày 23/6/2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy

định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ ban hành ngày 18/02/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/02/2025, Luật Quản lý thuế ban hành ngày 13/6/2019 và Luật Điều ước quốc tế ban hành ngày 09/4/2016.

III. Quá trình xây dựng dự án, dự thảo Nghị định

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

- Ngày / /2025, Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-QLN gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), gửi đăng Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (cơ quan soạn thảo) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày / /2025, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ có công văn số /TTĐT-DLĐT thông báo về ý kiến góp ý của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định sau thời gian đăng tải theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

- Sau khi tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, ngày / /2025, Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-QLN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP gửi Bộ Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị định (*Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo*).

2. Tổng hợp ý kiến tham gia

Đến thời điểm hiện tại, Bộ Tài chính nhận được .../... công văn tham gia ý kiến gồm .../... văn bản trả lời của các Bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, .../34 công văn tham gia ý kiến của đại diện các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, .../... công văn tham gia ý kiến của Liên hiệp Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các Hiệp hội doanh nghiệp, không có ý kiến tham gia của người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Trong các ý kiến tham gia có ... ý kiến được tiếp thu, không có ý kiến giải trình không tiếp thu, còn lại là các ý kiến nhất trí hoàn toàn hoặc không có ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Các ý kiến tham gia đều nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định Biểu thuế Việt Nam - Campuchia. Các ý kiến tham gia của Bộ ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính tiếp thu giải trình tại Bảng

tổng hợp ý kiến xây dựng dự thảo Nghị định (đính kèm).

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan;
- Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm 07 Điều khoản và 03 Phụ lục. Các điều khoản bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Điều 5. Thuế suất và hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

3. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026 được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 về Biểu thuế để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2023-2024.

3.1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện

So với Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 về Biểu thuế để

thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2023-2024, Nghị định này bổ sung một số nội dung sau:

- Chỉnh lí tên gọi Điều 6 “Tổ chức thực hiện” thành “Hiệu lực thi hành”.
- Bổ sung Điều 7 “Trách nhiệm thi hành”.

3.2. Về nội dung lược bỏ

Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026 cắt giảm 01 dòng hàng so với Nghị định 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 (đưa 01 mặt hàng là mặt hàng chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ - mã HS là 1602.10.10 ra khỏi Biểu thuế ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Campuchia trong Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026 do thuế suất mặt hàng này đã về 0% theo Hiệp định ATIGA).

3.3. Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026 không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

3.4. Về nội dung phân cấp, phân quyền

Tại Điều 6 “Hiệu lực thi hành” dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan Hải quan là cơ quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh đó Điều 7 “Trách nhiệm thi hành” quy định các cơ quan Nhà nước và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. Theo đó, việc phân cấp, phân quyền được thực hiện tối đa trong thực thi Nghị định.

3.5. Bố cục của Nghị định

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2025-2026.

- Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phù hợp với đối tượng thực hiện Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Hải quan, Nghị định này quy định 03 đối tượng áp dụng là: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

- Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan

Quy định về việc ban hành kèm theo Nghị định này 01 Biểu thuế và 02 Danh mục tương ứng tại 03 phụ lục:

- Phụ lục I, quy định danh mục hàng hóa áp dụng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% của Việt Nam đối với các mặt hàng có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia tương ứng với các mặt hàng thuộc Phụ lục I của Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia (bao gồm cả mặt hàng lúa gạo thuộc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá nằm trong số lượng hạn ngạch quy định tại Điều 3, 4 Bản Thỏa thuận). Phụ lục I bao gồm 28 dòng hàng, thu hẹp 01 dòng hàng so với Nghị định 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 (đưa 01 mặt hàng là mặt hàng chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ có mã HS là 1602.10.10 ra khỏi Biểu thuế ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Campuchia trong Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026 do thuế suất mặt hàng này đã về 0% theo Hiệp định ATIGA).

- Phụ lục II, quy định danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan của Việt Nam: phù hợp với quy định tại Điều 3, 4 của Bản Thỏa thuận về mặt hàng (gạo, lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá) và số lượng, tỷ lệ quy đổi. Phụ lục II gồm 15 dòng hàng, tương tự như Nghị định 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024.

- Phụ lục III, danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng hưởng ưu đãi đặc biệt: quy định này tại Nghị định là phù hợp với quy định tại Phụ lục III Bản Thỏa thuận.

- Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Điều khoản này quy định điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nếu (1) hàng hóa thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định, (2) có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp, và (3) thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định.

- Điều 5. Thuế suất và hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia

Quy định việc áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng chế độ hạn ngạch thuế quan tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định, bao gồm mặt hàng lúa gạo và mặt hàng thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá.

- Đối với mặt hàng lúa gạo: Trường hợp nhập khẩu trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II thì áp dụng mức thuế suất 0%; trường hợp nhập khẩu vượt

hạn ngạch thì có thể áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam và Campuchia cùng là thành viên, hoặc có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (thuế suất MFN) theo quy định tại Nghị định Biểu thuế MFN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Đối với mặt hàng thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá: Trường hợp nhập khẩu trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II, thì áp dụng mức thuế suất 0%; trường hợp nhập khẩu vượt hạn ngạch quy định tại Phụ lục II, nhưng vẫn nằm trong tổng mức hạn ngạch theo WTO, thì số lượng này được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi; trường hợp nhập khẩu vượt hạn ngạch quy định tại Phụ lục II và nằm ngoài tổng mức hạn ngạch theo WTO, thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với mặt hàng thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá, theo quy định tại Nghị định Biểu thuế MFN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Các mặt hàng lúa gạo do các doanh nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia tiếp giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam không tính vào số lượng hạn ngạch của các mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Các mặt hàng lúa gạo và thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất không tính vào số lượng hạn ngạch của mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đăng ký từ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ điều kiện được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Đối với khoản 2 nêu trên, ngày 20/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-CP về việc ký Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2025-2026 trong đó giao “*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận theo trình tự, thủ tục rút gọn, áp dụng hiệu lực trở về trước kể từ thời điểm Bản Thỏa Thuận có hiệu lực đối với Việt Nam (nếu cần thiết)*”.

Ngày 28/4/2025, Bộ Công thương đã ký kết với phía Campuchia Bản Thỏa thuận nêu trên. Theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 của Bản Thỏa thuận, Bản Thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký (ngày 28/4/2025) và hết hạn vào ngày 31/12/2026. Theo đó cần thiết có nội dung quy định hiệu lực trở về trước để đảm bảo thực thi cam kết và đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp.

- Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3.6. Các Danh mục và Phụ lục biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định

Ban hành kèm theo Nghị định gồm 01 Biểu thuế và 02 danh mục tương ứng tại 03 phụ lục tương ứng với các Phụ lục cam kết tại Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026. Mã hàng hóa và mô tả hàng hóa tại các Phụ lục đã được chuyển đổi từ AHTN 2017 sang AHTN 2022.

- Phụ lục I, quy định danh mục hàng hóa áp dụng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% của Việt Nam đối với các mặt hàng có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia tương ứng với các mặt hàng thuộc Phụ lục I của Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia (bao gồm cả mặt hàng lúa gạo và thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá nằm trong số lượng hạn ngạch quy định tại Điều 3, 4 Bản Thỏa thuận). Phụ lục I bao gồm 28 dòng hàng, thu hẹp 01 dòng hàng so với Nghị định 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024 (đưa 01 mặt hàng là mặt hàng chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ) có mã HS là 1602.10.10 ra khỏi Biểu thuế ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Campuchia trong Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026 do thuế suất mặt hàng này đã về 0% theo Hiệp định ATIGA).

- Phụ lục II, quy định danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan của Việt Nam: phù hợp với quy định tại Điều 3, 4 của Bản Thỏa thuận về mặt hàng (gạo, thuốc lá chưa chế biến, phế liệu thuốc lá) và số lượng, tỷ lệ quy đổi. Phụ lục II gồm 15 dòng hàng, tương tự như Nghị định 05/2024/NĐ-CP ngày 24/01/2024.

- Phụ lục III, danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng hưởng ưu đãi đặc biệt: quy định này tại Nghị định là phù hợp với quy định tại Phụ lục III Bản Thỏa thuận.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định và thời gian trình thông qua/ban hành

1. Về điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do cơ quan hải quan thực hiện nên Nghị định không làm phát sinh chi phí tuân thủ cũng như nguồn nhân lực của cơ quan Hải quan.

2. Về thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về vấn đề bình đẳng giới

Nghị định quy định trung tính về giới và có tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với cả hai giới, không có nội dung tạo ra sự phân biệt đối xử về giới.

4. Thời gian trình thông qua/ban hành

Ngày .../.../2025 Bộ Tài chính đã có công văn số thông báo thời gian dự kiến sẽ trình Chính phủ Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026 vào tháng 12 năm 2025.

VI. Những vấn đề xin ý kiến

Nghị định không có vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

VII. Kiến nghị

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định Việt Nam - Campuchia và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định;

(2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ Nghị định Việt Nam - Campuchia;

(3) Báo cáo giải trình tiếp thu của Bộ Tài chính đối với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

(4) Giải trình tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, địa phương.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLN (3b)

Dự thảo 1

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp
Về việc ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt
của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương
Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng năm 2025)**

Thực hiện ý kiến đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn tại Nghị quyết số Nghị quyết số 55/NQ-CP theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, , Bộ Tài chính đã có công văn gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định về việc thẩm định dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính xin báo cáo, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị định; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định

1.1. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Việc xây dựng dự thảo Nghị định trình Chính phủ ban hành là cần thiết để thực thi cam kết quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và cần thiết để thực hiện cam kết về thuế tại Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2025-2026.

1.2. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

2. Sự phù hợp của dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung của dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế tại Nghị quyết Đại

hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

3.1. Tính hợp hiến của dự thảo Nghị định

Nội dung của dự thảo Nghị định không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013.

3.2. Tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

Nội dung của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật Hải quan năm 2014.

3.3. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

...

4. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định; điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

Bộ Tư pháp nhận thấy Nghị định sau khi có hiệu lực sẽ không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, không ảnh hưởng đến nguồn lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định.

5. Về nội dung dự thảo Nghị định

...

6. Về kỹ thuật xây dựng văn bản, nội dung dự thảo Tờ trình

...

8. Kết luận

Dự thảo Nghị định đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Trên đây là nội dung giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 1

Bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến xây dựng Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

- Hồ sơ dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026 gửi kèm công văn số .../BTC-QLN gửi các cơ quan, đơn vị và Cổng Thông tin điện tử.
- Các quy định pháp luật về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Hiệp hội: Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam; Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam; Hiệp hội Chăn nuôi Việt Nam; Hiệp hội Sữa Việt Nam; Hiệp hội Nhựa Việt Nam; Hiệp hội Phân bón Việt Nam; Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam; Hiệp hội Lương thực Việt Nam; Hiệp hội Hóa chất Việt Nam; Hiệp hội Thép Việt Nam; Hiệp hội Rau quả Việt Nam; Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam; Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội Thức ăn chăn nuôi Việt Nam; Hiệp hội Cơ khí Việt Nam. Đến nay, Bộ Tài chính nhận được .../... công văn trả lời gồm: .../... văn bản trả lời của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ và

Cơ quan thuộc Chính phủ .../... văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (bao gồm văn bản của các Cục Thuế, Hải quan trực thuộc), văn bản của các cơ quan gồm Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các Hiệp hội liên quan.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

1. Có ... cơ quan, đơn vị có ý kiến nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị định.
2. Ngoài ra, có một số cơ quan, đơn vị có ý kiến thêm như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản			
Trình tự, thủ tục			
Căn cứ pháp lý			
Thời điểm có hiệu lực của Hiệp định và Nghị định			
Rà soát văn bản			
....			

Dự thảo 1

Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026 với quy định pháp luật hiện hành

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Quy định 03 đối tượng áp dụng của Nghị định: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.
Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan	Các Phụ lục và Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định (01 Biểu thuế và 02 Danh mục) gồm: - Phụ lục I: Quy định danh mục hàng hóa áp dụng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% của Việt Nam đối với các mặt hàng có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia. - Phụ lục II: Quy định danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan của Việt Nam. - Phụ lục III: Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng hưởng ưu đãi đặc biệt.

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt	Quy định 03 điều kiện để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.
Điều 5. Thuế suất và hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia	Quy định việc áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng chế độ hạn ngạch thuế quan tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định, bao gồm mặt hàng lúa gạo và mặt hàng lá thuốc lá chưa chế biến.
Điều 6. Điều khoản thi hành	Quy định cơ quan Hải quan là cơ quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
Điều 7. Trách nhiệm thi hành	Quy định các cơ quan Nhà nước và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.